

KỸ NĂNG VIẾT LẠI CÂU TIẾNG ANH

Đỗ Thị Xuân

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt: Kỹ năng viết lại câu (Sentence Transformation) là một trong những kỹ năng quan trọng trong việc học và sử dụng tiếng Anh. Nó không chỉ giúp người học nâng cao khả năng ngôn ngữ mà còn đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực như giao tiếp, viết học thuật và dịch thuật.

Từ khóa: viết lại câu, ý tưởng, ngôn ngữ, cấu trúc, đồng nghĩa, bị động, trực tiếp, gián tiếp, điều kiện, diễn đạt.

ENGLISH SENTENCE TRANSFORMATION SKILLS

Do Thi Xuan

Faculty of Foreign Languages, Ha Long University

Abstract: Sentence transformation is one of the essential skills in learning and using English. It not only helps learners improve their language proficiency but also plays a crucial role in various fields such as communication, academic writing, and translation.

Keywords: sentence transformation, ideas, language, structure, synonym, passive voice, direct speech, indirect speech, conditionals, expression.

Nhận bài: 20/04/2025

Phản biện: 18/05/2025

Duyệt đăng: 22/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình dạy và học tiếng Anh, kỹ năng viết lại câu đóng vai trò quan trọng, giúp học sinh nắm vững cấu trúc ngữ pháp, mở rộng vốn từ và diễn đạt linh hoạt hơn. Viết lại câu không chỉ giúp nâng cao kỹ năng viết mà còn hỗ trợ phát triển tư duy ngôn ngữ, giúp học sinh tránh lỗi sai khi diễn đạt và cải thiện khả năng giao tiếp.

Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều học sinh vẫn gặp khó khăn trong việc viết lại câu do chưa nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp tương đương, còn rập khuôn theo cách diễn đạt cũ hoặc chưa biết cách sử dụng từ ngữ linh hoạt. Điều này ảnh hưởng đến kết quả học tập cũng như khả năng sử dụng tiếng Anh trong thực tế.

Xuất phát từ những vấn đề trên, Trong bài viết này tác giả muốn chia sẻ về “Các kỹ năng viết lại câu tiếng Anh” nhằm tìm ra phương pháp giúp học sinh rèn luyện kỹ năng này một cách hiệu quả.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm về viết lại câu

Viết lại câu là quá trình diễn đạt lại một ý tưởng hoặc thông tin bằng cách thay đổi cấu trúc câu mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa. Kỹ năng này đòi hỏi người học phải hiểu rõ cách sử dụng từ vựng, ngữ pháp và các cấu trúc câu khác nhau để tạo ra một câu mới có nội dung tương đương với câu gốc.

2.2. Tầm quan trọng của kỹ năng viết lại câu

- Nâng cao khả năng ngữ pháp và từ vựng

Viết lại câu yêu cầu người học sử dụng các cấu trúc ngữ pháp khác nhau để diễn đạt một nội dung giống nhau. Điều này giúp củng cố kiến thức về

câu điều kiện, câu bị động, câu gián tiếp, mệnh đề quan hệ, và nhiều cấu trúc quan trọng khác. Đồng thời, việc sử dụng từ đồng nghĩa hoặc cụm từ thay thế giúp mở rộng vốn từ vựng một cách tự nhiên.

- Phát triển tư duy linh hoạt và khả năng diễn đạt

Việc luyện tập viết lại câu giúp người học phát triển tư duy linh hoạt hơn trong cách diễn đạt ý tưởng. Họ có thể trình bày cùng một nội dung theo nhiều cách khác nhau, từ đó nâng cao khả năng giao tiếp và viết lách một cách rõ ràng, mạch lạc hơn.

- Ứng dụng trong các kỳ thi tiếng Anh

Trong các kỳ thi như IELTS, TOEFL, hoặc các bài kiểm tra trên lớp, kỹ năng viết lại câu thường xuất hiện trong phần thi viết hoặc bài tập ngữ pháp. Việc thành thạo kỹ năng này giúp thí sinh đạt điểm cao hơn khi có thể diễn đạt ý tưởng một cách chính xác và đa dạng.

- Giúp tránh đạo văn trong học thuật

Trong viết học thuật và nghiên cứu, việc sử dụng lại nội dung từ các nguồn tham khảo là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu sao chép nguyên văn, người viết có thể bị coi là đạo văn. Kỹ năng viết lại câu giúp người học diễn đạt lại ý tưởng bằng ngôn ngữ của mình, đảm bảo sự trung thực và tính khoa học trong bài viết.

Học sinh nên học từ đồng nghĩa, trái nghĩa và các cách diễn đạt khác nhau để có nhiều lựa chọn khi viết lại câu.

Ví dụ: Because of = Due to

Not only ... but also ... = Both ... and ...

2.3. Khó khăn thường gặp của học sinh khi viết lại câu

Mặc dù kỹ năng viết lại câu rất quan trọng trong học tiếng Anh, nhiều học sinh vẫn gặp phải những khó khăn nhất định. Dưới đây là một số vấn đề phổ biến:

- Chưa nắm vững các cấu trúc ngữ pháp

Học sinh thường gặp khó khăn trong việc nhận diện và sử dụng các cấu trúc câu tương đương như câu bị động, câu điều kiện, câu gián tiếp,...

Ví dụ:

Gốc: They built this house in 1990.

Sai: This house builded in 1990.

Đúng: This house was built in 1990.

- Hạn chế về vốn từ vựng: Học sinh không biết cách sử dụng từ đồng nghĩa hoặc cụm từ thay thế dẫn đến việc viết lại câu bị lặp từ hoặc không tự nhiên.

Ví dụ:

Gốc: The weather was very bad, so we canceled the trip.

Sai: Because the weather was very bad, we canceled the trip.

Đúng: Due to the bad weather, we canceled the trip.

- Không hiểu rõ ý nghĩa của câu gốc. Nhiều học sinh chỉ tập trung vào việc thay đổi cấu trúc mà không đảm bảo câu mới vẫn giữ nguyên ý nghĩa so với câu gốc.

Ví dụ:

Gốc: She is too short to reach the top shelf.

Sai: She is so short that she can reach the top shelf. (Nghĩa sai)

Đúng: She is so short that she cannot reach the top shelf.

- Dịch từng từ thay vì hiểu toàn bộ câu. Học sinh có xu hướng dịch từng từ một từ tiếng Việt sang tiếng Anh thay vì hiểu cấu trúc câu và diễn đạt tự nhiên.

2.4. Các phương pháp luyện tập hiệu quả

Để khắc phục những khó khăn trên, học sinh có thể áp dụng một số phương pháp sau:

- Hệ thống hóa và thực hành theo từng dạng bài tập

Giáo viên nên phân loại từng dạng viết lại câu (bị động, điều kiện, so sánh, gián tiếp...) để học

sinh dễ tiếp cận và luyện tập có hệ thống.

Ví dụ: Mỗi buổi học tập trung vào một dạng cụ thể với bài tập từ dễ đến khó.

- Một số kỹ thuật giúp viết lại câu hiệu quả:

+ Thay đổi cấu trúc ngữ pháp:

She is so intelligent that she can solve the problem.

→ She is intelligent enough to solve the problem.

+ Sử dụng từ đồng nghĩa:

The film was very interesting.

→ The movie was fascinating.

+ Chuyển đổi danh từ ↔ động từ:

He made a decision to study abroad.

→ He decided to study abroad.

- Luyện tập với các bài tập biến đổi câu hàng ngày. Giáo viên có thể cho học sinh bài tập viết lại câu theo chủ đề, kết hợp với viết đoạn văn để rèn luyện kỹ năng linh hoạt.

- Sử dụng công nghệ và tài liệu hỗ trợ. Học sinh có thể sử dụng các ứng dụng như Grammarly, QuillBot để kiểm tra và học cách viết lại câu một cách tự nhiên.

- Học và thực hành các cấu trúc câu khác nhau: Luyện tập với các dạng câu như câu chủ động - bị động, câu điều kiện, câu tường thuật, câu so sánh, mệnh đề quan hệ...

- Sử dụng từ đồng nghĩa và cụm từ thay thế: Thực hành thay thế các từ vựng và cụm từ bằng những từ có nghĩa tương đương nhưng vẫn phù hợp với ngữ cảnh.

- Luyện tập với các bài tập viết lại câu: Thường xuyên làm bài tập viết lại câu giúp ghi nhớ và áp dụng tốt hơn các kiến thức đã học.

- Tham khảo các tài liệu tiếng Anh: Đọc báo, sách, tài liệu học thuật bằng tiếng Anh giúp làm quen với cách diễn đạt đa dạng và rèn luyện khả năng viết lại câu một cách tự nhiên.

2.5. Các cấu trúc thường dùng viết lại câu

- Cấu trúc viết lại câu với các từ và cụm từ chỉ nguyên nhân

Bạn có thể linh hoạt chuyển đổi giữa các câu chỉ nguyên nhân có chứa: because, since, as và because of, due to, owing to...

Because/ since/ as/ + S + V + ...

<=> Because of/ owing to/ due to/ as a result of + Noun/ V-ing

Ví dụ:

• Since she arrived late, she missed the first part of the presentation.

<=> Due to her late arrival, she missed the first

part of the presentation. (Vì đến muộn nên cô ấy đã bỏ lỡ phần đầu tiên của buổi thuyết trình.)

- Cấu trúc viết lại câu với các từ và cụm từ chỉ sự tương phản

Các từ và cụm từ *although, though, even though, despite* và *in spite of* đều có nghĩa là “mặc dù”. Tuy nhiên, chúng có cấu trúc khác nhau khi

áp dụng vào câu, bạn có thể viết lại linh hoạt dựa vào công thức dưới đây:

Although/ though/ even though + S + V + ...
<=> Despite/ in spite of + Noun/ V-ing

Ví dụ:

• *Although Becky studied hard, she didn't pass the exam.*

cô ấy không qua môn.)

- Cấu trúc viết lại câu với *so that* và *such that*

<=> Despite studying hard, Becky didn't pass the exam. (Mặc dù Becky đã học chăm chỉ, nhưng

Cấu trúc *so that* và *such that* có nghĩa là “quá... đến nỗi mà...”.

S + be/ V + so + Adj/ Adv + that ...
<=> It + be + such + Noun + that

Ví dụ:

• *The weather was so hot that our family decided to go to the beach.*

- Cấu trúc viết lại câu với *too to* và *enough*

Cấu trúc *too to* có nghĩa là “quá... để mà...”,

It was such hot weather that our family decided to go to the beach. (Thời tiết quá nóng nên gia đình chúng tôi quyết định đi đến bãi biển.)

trùng đồng với cấu trúc phủ định của cấu trúc *enough* Bạn có thể chuyển đổi qua lại hai dạng câu này dựa vào công thức dưới đây:

S + V + too + Adj + to V
<=> not + Adj + enough + to V

Ví dụ:

• *Your child is too young to drive a car.*

không đủ tuổi để lái xe.)

- Cấu trúc viết lại câu với *find something + adj*

<=> Your child is not old enough to drive a car.

Khi muốn diễn đạt ai cảm thấy/ nhận ra điều gì đó,

(Con của bạn quá nhỏ để lái xe / Con của bạn

bạn có thể sử dụng linh hoạt hai cấu trúc dưới đây:

To V + be + Adj/ Noun
<=> S + find + it + Adj/ Noun + to V

Ví dụ:

• *To study abroad can be challenging for Anna*

Khi muốn câu trở nên trang trọng, lịch sự hơn

hay muốn nhấn mạnh vào mệnh đề chính, bạn có

<=> Anna finds it challenging to study abroad.

thể chuyển cấu trúc câu điều kiện thông thường

(Anna cảm thấy việc đi du học là một thách thức.)

sang dạng đảo ngữ theo các công thức dưới đây.

- Công thức viết lại câu điều kiện

Câu điều kiện loại 1:

If + S1 + V/ Vs-es, S2 + will/can/should ... + V-infinitive
<=> Should + S1 + (not) + V, S2 + will/can/should ... + V-infinitive

Ví dụ:

• *If my brother gets good grades, he can apply for a scholarship.*

can apply for a scholarship. (Nếu em trai tôi đạt điểm cao, cậu ấy có thể xin được học bổng.)

Câu điều kiện loại 2:

<=> Should my brother get good grades, he

If + S1 + V2/ V-ed, S2 + would/could/might/ ... + V-infinitive

<=> Were + S1 + (not) + to V-infinitive, S2 + would/could/might/ ... + V-infinitive

Ví dụ:

• *If we had more time, we could finish the project.*

finish the project. (Nếu chúng tôi có thêm thời gian, chúng tôi có thể sẽ hoàn thành dự án.)

<=> Were we to have more time, we might

Câu điều kiện loại 3:

If + S1 + had + Vpp, S2 + would/could/might/ ... + have + Vpp
<=> Had + S1 + (not) + Vpp, S2 + would/might/could ... + have + Vpp

Ví dụ:

• If Otis had taken the job offer, he would have earned more money.

<=> Had Otis taken the job offer, he could have earned more money. (Nếu Otis mà nhận lời mời

làm việc, anh ta đã kiếm được nhiều tiền hơn.)

- Cấu trúc viết lại câu với If not và unless

Cả If not và unless đều có nghĩa tương đương nhau là “trừ khi”.

If ... not <=> Unless ...

Ví dụ:

• If Jack and Maddy do not arrive on time, the show will start without them.

<=> Unless Jack and Maddy arrive on time, the show will start without them. (Trừ Jack và

Maddy đến đúng giờ, buổi biểu diễn sẽ bắt đầu mà không có họ.)

8. Công thức viết lại câu với it takes time

Để diễn đạt ai/ cái gì tốn bao nhiêu thời gian, tiền bạc để làm điều gì đó, bạn dùng công thức sau:

S + V + ... + (thời gian/ tiền bạc)

<=> It takes/took + someone + (thời gian/ tiền bạc) + to V

Ví dụ:

• My classmates and I finished the project in three weeks.

<=> It took my classmates and I three weeks

to finish the project. (Tôi và các bạn cùng lớp mất ba tuần để hoàn thành dự án.)

- Cấu trúc viết lại câu với it was not until

It was not until có nghĩa là “mãi cho đến khi...”.

S + didn't + V-infinitive + until ...

<=> It was not until + ... + that + ...

Ví dụ:

• I didn't find her lost keys until I cleaned up my room.

<=> It was not until I cleaned up my room that I found her lost keys. (Tôi không tìm

thấy chìa khóa bị mất cho đến khi tôi dọn dẹp phòng.)

10. Cấu trúc viết lại câu rủ rê, đề nghị

Khi muốn rủ rê, đề nghị ai làm điều gì đó, bạn có thể linh hoạt sử dụng các cấu trúc sau:

Shall we + V

<=> Let's + V

<=> How/What about + V-ing?

<=> Why don't we + V?

<=> S + suggest + that + S +

<=> In my opinion, ...

Ví dụ:

• Shall we go to the movies tonight?

<=> Let's go to the movies tonight.

<=> How about going to the movies tonight?

<=> Why don't we go to the movies tonight?

(Chúng ta đi xem phim tối nay nhé?)

- Công thức viết lại câu trực tiếp, gián tiếp

Bạn có thể dùng cả câu trực tiếp và gián tiếp để tường thuật lại lời nói của ai đó. Để chuyển từ dạng trực tiếp sang gián tiếp, bạn cần phải lùi động từ trong câu về một thì. Các công thức như sau:

Câu mệnh lệnh:

Câu trực tiếp: S + ask/request/require/... + O + to-infinitive

→ Câu gián tiếp: S + asked/requested/ required + O + to-infinitive

Ví dụ:

• Thomas asked me, "Help me carry this desk, please."

→ Thomas asked me to help him carry that

desk. (Thomas yêu cầu tôi giúp anh ấy mang chiếc bàn đó.)

Câu nghi vấn:

(Yes/ no question) S + asked/inquired/wondered, wanted to know + if/whether + S + V

(Wh- question) S + asked(+O)/wanted to know/required/wondered + Wh-words + S + V

Ví dụ:

- She asked me, “Did you finish your essay?”

→ She asked me if I had finished my essay.

(Cô ấy hỏi tôi đã hoàn thành bài luận chưa.)

Câu cảm thán:

S+ said/told/exclaimed + that + S + V (lùi thì) + O

Ví dụ:

- “I can’t believe it!”, my mom said.

→ My mom said that she couldn’t believe it.

(Mẹ tôi nói rằng bà không thể tin được.)

III. KẾT LUẬN

Kỹ năng viết lại câu là một phần không thể thiếu trong việc học tiếng Anh. Nó không chỉ giúp người học cải thiện ngữ pháp, từ vựng mà còn tăng cường khả năng diễn đạt và ứng dụng trong thực tế. Việc rèn luyện thường xuyên sẽ giúp người học sử dụng tiếng Anh linh hoạt,

hiệu quả hơn trong cả học tập và giao tiếp. Ngoài danh từ, động từ và tính từ, trạng từ trong tiếng Anh cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong các cấu trúc ngữ pháp. Bên cạnh đó trạng từ còn có nhiệm vụ bổ sung nghĩa cho câu, giúp câu tường minh hơn. Tuy nhiên, để làm tốt các bài tập liên quan tới trạng từ còn khá khó khăn đối với người học. Để nắm rõ hơn về trạng từ trong tiếng Anh, chúng ta hãy tìm hiểu một số loại trạng từ tiếng Anh và cách sử dụng các trạng từ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Randolph Quirk Sidney Greenbaum (2000) *A University Grammar of english*, Oxford University Press
2. Website: Giaoan.violet.vn